

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về mức chi quà tặng, chính sách hỗ trợ người có công  
với cách mạng, đối tượng hưu trí và mất sức lao động  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được  
sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số  
02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy  
định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh  
Quảng Ngãi về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về chính sách, mức chi  
quà tặng, hỗ trợ người có công với cách mạng và thân nhân trên địa bàn tỉnh  
Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân  
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về mức chi quà tặng,  
chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng, đối tượng hưu trí và mất sức lao  
động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định quy định về mức chi quà tặng, chính sách hỗ trợ  
người có công với cách mạng, đối tượng hưu trí và mất sức lao động trên địa bàn  
tỉnh Quảng Ngãi.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (gọi là  
cán bộ Lão thành cách mạng) đang được hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.
- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày  
khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (gọi là cán bộ Tiền khởi nghĩa) đang hưởng trợ  
cấp ưu đãi hằng tháng.
- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đang được hưởng trợ cấp ưu đãi  
hằng tháng.
- Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến đang được hưởng trợ cấp  
ưu đãi hằng tháng.

5. Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.
6. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh và thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993 đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.
7. Bệnh binh đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.
8. Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.
9. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.
10. Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hằng tháng.
11. Người tham gia kháng chiến, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang hưởng trợ cấp hằng tháng (*theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc*).
12. Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.
13. Gia đình liệt sĩ: Gia đình đang hưởng tuất liệt sĩ hằng tháng, gia đình thờ cúng liệt sĩ.
14. Đối tượng hưu trí, mất sức lao động do cơ quan Bảo hiểm xã hội quản lý đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hằng tháng.
15. Người có công với cách mạng tiêu biểu do UBND tỉnh quyết định theo từng năm (trên cơ sở đề nghị của UBND cấp xã, số lượng 05 đối tượng/xã, phường, đặc khu).
16. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến chính sách hỗ trợ.

**Điều 3. Mức chi quà tặng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) và dịp Tết cổ truyền trên địa bàn tỉnh**

1. Mức chi quà tặng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7)
  - a) Tiền mặt 500.000 đồng cho các đối tượng được quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Tiền mặt 1.500.000 đồng cho các đối tượng được quy định tại khoản 15 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Mức chi quà tặng nhân dịp Tết cổ truyền

a) Tiền mặt 500.000 đồng cho các đối tượng được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Tiền mặt 1.500.000 đồng cho đối tượng được quy định tại khoản 15 Điều 2 Nghị quyết này.

c) Tiền mặt 300.000 đồng cho các đối tượng được quy định tại khoản 14 Điều 2 Nghị quyết này.

d) Quà hiện vật trị giá không quá 500.000 đồng/01 suất do UBND tỉnh quyết định theo từng năm cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 13 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc thực hiện

a) Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được tặng quà thì chỉ nhận một suất quà có giá trị cao nhất; trường hợp đối tượng đó đồng thời là gia đình liệt sĩ thì được nhận thêm suất quà của gia đình liệt sĩ.

b) Đối tượng quy định tại khoản 13 Điều 2 Nghị quyết này được tính theo định suất liệt sĩ. Mỗi liệt sĩ thì đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ được nhận 01 suất quà.

#### **Điều 4. Chính sách hỗ trợ khám, cấp thuốc, chăm sóc, kiểm tra, tư vấn sức khỏe định kỳ tại nhà và hỗ trợ thăm hỏi khi ốm đau**

1. Chính sách hỗ trợ việc khám, chăm sóc, kiểm tra, tư vấn sức khỏe định kỳ tại nhà và cấp thuốc

a) Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/người/lần, với tần suất 03 lần/người/năm đối với các đối tượng được quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/người/lần, với tần suất 02 lần/người/năm đối với các đối tượng được quy định tại khoản 3, 5, 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này *(riêng đối tượng được quy định tại khoản 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này phải có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên)*.

2. Chính sách hỗ trợ thăm hỏi khi ốm đau phải điều trị nội trú dài ngày tại bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế *(từ 03 ngày trở lên)*.

a) Mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/người/lần, với tần suất 02 lần/người/năm đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/người/lần, với tần suất 02 lần/người/năm đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

c) Mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/người/lần, với tần suất 02 lần/người/năm đối với các đối tượng được quy định tại khoản 3, 5, 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này

(riêng đối tượng được quy định tại khoản 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này phải có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên).

### 3. Nguyên tắc thực hiện

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được thụ hưởng chính sách quy định tại khoản 1, 2 Điều này thì chỉ nhận một mức có giá trị cao nhất.

### **Điều 5. Chính sách hỗ trợ nghỉ dưỡng sức tại nhà (đối với trường hợp không thể đi nghỉ dưỡng tập trung)**

1. Mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/người/năm đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Mức hỗ trợ 8.000.000 đồng/người/năm đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Mức hỗ trợ 6.000.000 đồng/người/năm đối với các đối tượng được quy định tại khoản 3, 5, 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này (riêng đối tượng được quy định tại khoản 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này phải có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên).

### 4. Nguyên tắc thực hiện

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được thụ hưởng chính sách quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này thì chỉ nhận một mức có giá trị cao nhất.

### **Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện**

Bổ trí từ nguồn ngân sách của tỉnh.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Chấm dứt hiệu lực thi hành các Nghị quyết số 40/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi quà tặng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) và Tết cổ truyền trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định chính sách hỗ trợ người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định chính sách hỗ trợ Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Điểm d khoản 1 Điều 3, Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 98/2024/NQ-HĐND ngày 09/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi ban hành.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Quảng Ngãi khóa...kỳ họp thứ....thông qua ngày....tháng....năm...../.

***Nơi nhận:***

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- HĐND và UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo, Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT,...

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Tuy**